TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **73**/2023/HSST
Ngày: 19/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ ông Nguyễn Nam Tiến – GĐ Trung tâm VHTT-TT và TH huyện Tuy Phong

2/ Ông Nguyễn Trường Sa – Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Tân

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diệnViện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị Hoài B (tên gọi khác: Hòa); Giới tính: Nữ; sinh ngày 25.11.1976, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú và chổ ở: khu phố 8, thị trấn L, huyện Ph, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm B1; sinh năm 1943; hiện ở tại khu phố 8, thị trấn L, huyện Ph; con bà: Nguyễn Thị N , Sinh năm: 1949 (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1972; Chồng: Phạm Văn M (đã ly hôn); Con: 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008

Tiền án: 01 tiền án

Tại bản án số 96/2020/HS-ST ngày 25.9.2020 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt Phạm Thị Hoài B 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 07.4.2021 thì chấp hành xong hình phạt tù, về cư trú tại khu phố 8, thị trấn L, huyện Ph *(chưa được xóa án tích)*.

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 24.4.2023, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ph; Có mặt.

- **Người bị hại**:

1/ Huỳnh Văn P, sinh năm 1991; Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn L, huyện Ph, Bình Thuận; Vắng mặt.

2/ Đặng Tân T, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố 12, thị trấn L, huyện Ph, Bình Thuận; Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1/ Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu phố 12, thị trấn L, huyện Ph, Bình Thuận; Có mặt

2/ Đặng Thị Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện Ph, Bình Thuận; Vắng mặt

3/ Trần Thị Phương T2; Địa chỉ: khu phố 12, thị trấn L, huyện Ph, Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn P, sinh năm 1991, cư trú tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Ph. P có mối quan hệ tình cảm với Phạm Thị Hoài B, sinh năm 1976, cư trú tại khu phố 8, thị trấn L, huyện Ph. Khoảng tháng 11/2022, B đến nhà Phúc ở, P và B sống chung như vợ chồng tại nhà của P ở khu phố 6, thị trấn L, huyện Ph.

Khoảng 8 giờ ngày 24.01.2023, Phúc đang ở nhà cùng với mẹ của P là Đào Thị H thì Biên nói với P cho B mượn 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 86B3-390.32. Do Đinh Trần Trung H1 sinh năm 1995 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. P mua xe mô tô của Nguyễn Văn T, cư trú tại khu phố 14, thị trấn L giá 13.200.000 đồng vào khoảng tháng 7.2021. B nói Phúc mượn xe mô tô 86B3-390.32 để đi thành phố Phan Thiết chơi. P đồng ý cho B mượn xe mô tô, trong cốp xe mô tô có 01 giấy căn cước công dân mang tên Huỳnh Văn P, 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy mua bán xe mô tô 86B3-390.32. Sau khi mượn được xe của P, B điều khiển xe mô tô 86B3-390.32 chạy về nhà của B để thắp nhang. Do không có tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của P để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 09 giờ ngày 24.01.2023, B điều khiển xe mô tô 86B3-390.32 đến tiệm cầm đồ Long Thanh tại khu phố 12, thị trấn L do Nguyễn Ngọc T1 đứng tên chủ cơ sở cầm đồ. B trao đổi với T1 và Trần Thị Phương T2 (là vợ T1) nhận cầm cố xe mô tô 86B3-390.32 với giá 3.000.000 đồng. T1 kiểm tra giấy tờ sau đó hỏi B tại sao xe không đứng tên chính chủ thì B nói do xe mua lại nên chưa làm giấy tờ sang tên. Do xe B cầm cố không chính chủ nên T1 có chụp hình của B cùng xe mô tô 86B3-390.32 rồi đồng ý cầm cố xe mô tô giá 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ ngày 25.01.2023, B quay lại tiệm cầm đồ của T1 hỏi cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng, T1 đồng ý sau đó đưa cho B số tiền 3.000.000 đồng. Đến 16 giờ cùng ngày, B quay lại tiệm hỏi T1 đặt vấn đề bán luôn xe mô tô 86B3-390.32, T1 đồng ý mua với giá 7.500.000 đồng do xe đã cũ thì B đồng ý. T1 sửa hợp đồng thế chấp với số tiền thu lại là 7.500.000 đồng. Biên lấy số tiền 1.500.000 đồng cùng 01 căn cước công dân tên Huỳnh Văn P rồi bỏ đi. Biên mang ví giấy tờ mang tên Huỳnh Văn P cùng giấy mua bán xe mô tô 86B3-039.32 để tại nhà của Biên tại khu phố 9, thị trấn L, huyện Ph. Đào Thị H đến nhà của Biên thì gặp người thân của B nói đã giao nộp 01 ví giấy tờ cho Công an thị trấn L. H liên lạc với B không được nên ngày 03.02.2023, P làm đơn tố cáo đến công an thị trấn L, tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của B.

Tại biên bản và bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 21.02.2023 của Hội Đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Ph

kết luận: 01 chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu Honda Wave RSX, có giá trị 22.000.000 đồng/chiếc x 50% = 11.000.000 đồng.

Sáng ngày 26.01.2023, Phạm Thị Hoài B đi đến tiệm cầm đồ Long Thanh, khi Biên đi ngang qua nhà Đặng Tân T sinh năm 1989, cư trú tại khu phố 12, thị trấn L, huyện Ph thì thấy nhà T không khóa cửa chính và không khóa cổng. B ngồi chơi thì nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 86B1-333.39, nhãn hiệu HAYATE, do Đặng Thị Lệ H2 (là chị của T) đứng tên chủ sở hữu, màu sơn đen tại nhà của T. B đi vào nhà của T thì nhìn thấy xe của T có chìa khóa để bên hộc bên hông tay lái của xe nên B nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô 86B1-333.39 của T bán lấy tiền tiêu xài. B đi ra ngồi ở ghế đá trước sân nhà quan sát thấy không có người nên B đi vào trong nhà của T, B đến vị trí dựng xe mô tô 86B1-333.39, B gắn chìa khóa xe sau đó nổ máy chạy đến xã Bình Thạnh để tìm người cầm cố nhưng không được. B điều khiển xe đi về lại thị trấn L. Khi đi đến khu vực đối diện nhà hàng tiệc cưới Trung Ngà, thuộc khu phố 5, thị trấn L, B dựng xe tại khu đất trống gần kho phế liệu Trường Nhánh, B để chìa khóa và xe tại đây mục đích để cho ai lấy thì lấy sau đó B đi về nhà. Khoảng 30 phút sau B quay lại thì thấy xe bị mất biển số xe, B điều khiển xe đi đến tiệm phế liệu của Đặng Thị Đ sinh năm 1974 tại khu phố 2, thị trấn L đế bán cho Đ. Đ hỏi xe ở đâu thì B nói xe của B, mất giấy tờ và biển số. Đ đồng ý mua với số tiền 300.000 đồng nhưng cho B thêm 100.000 đồng. B sử dụng số tiền 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Đến trưa ngày 27.01.2023, Biên quay lại nhà của T, T phát hiện B ở nhà nên hỏi thì B thừa nhận đã trộm xe của T. T trình báo công an thị trấn L sau đó tạm giữ xe mô tô.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Thị Hoài B bỏ trốn đến huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 24.4.2023 thì bị Công an huyện Lạc Dương bắt theo quyết định truy nã số 06 ngày 19.4.2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ph.

Tại biên bản và bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 15.02.2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Ph kết luận:01 chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu Suzuki Hayate, có giá trị 21.800.000 đồng/ chiếc x 40% = 8.720.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 73/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hoài B phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm doạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Hoài B mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 55, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Hoài B mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" ;

Tổng hợp hình phạt: 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành 02 tội từ 21 (hai mươi mốt) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt;

Về tang vật chứng: Sau khi định giá tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ph đã ra quyết định xử lý vật chứng số 14 và 15 cùng ngày 19.4.2023, trao trả 01 xe mô tô biển số 86B1-333.39 cho Đặng Tân T và 01 xe mô tô; 01 giấy đăng ký xe mô ô biển số biển số 86B3-390.32, 01 căn cước công dân và 01 giấy bán xe cho Huỳnh Văn P nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo B phải bồi cho Đặng Tân T 3.000.000đồng và bồi thường cho Nguyễn Ngọc T1 7.500.000đồng.

Riêng đối với bị hại Huỳnh Văn P đã nhận lại tài sản, người liên quan Đặng Thị Đ tự nguyện cho B số tiền 400.000 đồng tiền mua xe mô tô, Phúc và Đào không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Hoài B không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Hoài B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 73/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan và người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản, xảy ra vào khoảng 08 giờ ngày 24.01.2023 tại khu phố 6, thị trấn L và khoảng 09 giờ ngày 26.01.2023 tại khu phố 12 thị trấn L, huyện Ph. Bị cáo Phạm Thị Hoài B đã lợi dụng lòng tin của Huỳnh Văn P, sau khi mượn xe mô tô 86B3-390.32 của Huỳnh Văn P đã cầm cố nhiều lần sau đó bán cho Nguyễn Ngọc T1 là chủ tiệm cầm đồ với số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 86B1-333.39 của Đặng Tân T sau đó bán cho Đặng Thị Đ với số tiền 400.000 đồng thì bị phát hiện, thu giữ tang vật chứng.

Vì vậy, Cáo trạng số số 73/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph truy tố bị cáo Phạm Thị Hoài B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây nghi kỵ không tốt trong nội bộ quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo có tính xem thường pháp luật nên phải cần xử lý bị cáo nghiêm minh. Vì vậy, cần phải bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thị Hoài B có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với Nguyễn Ngọc Thanh và Đặng Thị Đào không biết xe mô tô do bị cáo Phạm Thị Hoài Biên thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với Thanh và Đào.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

[6] Về tang vật chứng của vụ án: Sau khi định giá tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ph đã ra quyết định xử lý vật chứng số 14 và 15 cùng ngày 19.4.2023, trao trả 01 xe mô tô biển số 86B1-333.39 cho Đặng Tân T và 01 xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô ô biển số biển số 86B3-390.32, 01 căn cước công dân và 01 giấy bán xe cho Huỳnh Văn P nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Đặng Tân T yêu cầu bị cáo Phạm Thị Hoài B phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Nguyễn Ngọc T1 yêu

cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Biên đồng ý hoàn trả và bồi thường theo yêu cầu của T và T1 nên ghi nhận sự thỏa thuận của họ. Buộc bị cáo B phải bồi thường cho T 3.000.000đồng và hoàn trả cho T 7.500.000đồng.

Riêng đối với bị hại Huỳnh Văn P đã nhận lại tài sản, người liên quan Đặng Thị Đ tự nguyện cho B số tiền 400.000 đồng tiền mua xe mô tô, P và Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo **Phạm Thị Hoài B** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị Hoài B 12 (mười hai)** tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị Hoài B 12 (mười hai)** tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành 02 tội: **24** (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ bị bắt (ngày 24 tháng 4 năm 2023).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589, Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị Hoài B phải có trách nhiệm bồi thường cho Đặng Tân T **3.000.000đ** (ba triệu đồng);

Buộc bị cáo Phạm Thị Hoài B phải có trách nhiệm hoàn trả cho Nguyễn Ngọc T1 **7.500.000đ** (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thị Hoài B phải nộp **200.000**đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **525.000đ** (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự ;

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Ph;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Ph;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người liên quan;
- Chi cục THADS huyện Ph;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Lấy